TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H.T** **TỈNH T.N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 12/02/2020
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.T, TỈNH T.N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thúy Hằng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Khắc Quỳnh**.

2. Ông **Lê Công Quyền**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.T, tỉnh T.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **V.T.T.L**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 86, khu phố N.Đ, phường N.T, thành phố T.N, tỉnh T.N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **N.H.L**, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà 6, tổ 2, ấp Phước Hội, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh T.N – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo hợp đồng ủy quyền ngày 15/8//2019) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **T.T.N.L**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Anh **H.T.H**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà H1/T6, ấp T.X, xã T.H, huyện H.T, tỉnh T.N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2019 của nguyên đơn và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh N.H.L trình bày:***

Vào ngày 09/8/2019 vợ chồng chị T.T.N.L, anh H.T.H có vay của chị V.T.T.L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để vợ chồng chị L, a H trả nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận là 200.000 đồng/ngày, thời hạn trả là 05 ngày, cho vay không có thế chấp tài sản gì. Khi vay chị L ký tên vào giấy nhận nợ và ký tên cho a H. Khi đến hạn, chị L và a H không trả tiền lãi cũng như tiền vốn cho chị L. Nay chị L yêu cầu chị L, a H trả cho chị L số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chị L không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn chị T.T.N.L và anh H.T.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Lên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn là chị L và a H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa, anh Lên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L, a H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh N.H.L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị T.T.N.L và anh H.T.H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lên, chị L, a H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị L khởi kiện yêu cầu chị L, a H trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu của chị V.T.T.L yêu cầu chị T.T.N.L và anh H.T.H trả số tiền gốc 100.000.000 đồng thấy rằng:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản chính giấy mượn tiền có nội dung thể hiện chị L, a H có vay tiền của chị L số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), có chữ ký của chị L, cụ thể: Ngày 09/8/2019 vay 100.000.000 đồng, để trả nợ ngân hàng, thời hạn vay là 05 ngày. Do đó, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa chị L với chị L là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy chị L đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và không có đưa ra chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của chị L. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chị L yêu cầu chị L trả số tiền gốc 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu a H cùng trả số nợ này thấy rằng: Nguyên đơn thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ của a H là do chị L ký thay, tuy nhiên mục đích chị L vay tiền là để trả nợ ngân hàng mà vợ chồng chị L và a H đã vay vào ngày 06/8/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh H.T. Ngày chị L vay tiền của chị L để trả nợ ngân hàng trùng khớp với ngày chị L trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh H.T là ngày 09/8/2019. Do đó yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu a H cùng trả số nợ này là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của chị L, thấy rằng:

Nguyên đơn trình bày lãi suất là 200.000 đồng/ngày, tuy nhiên theo giấy mượn tiền đề ngày 09/8/2019 nội dung thể hiện vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, không thỏa thuận lãi suất nên xác định là hợp đồng vay không có lãi và có thời hạn, do đó căn cứ vào khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì tiền lãi được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Cụ thể: Ngày vay là 09/8/2019 thời hạn vay là 5 ngày đến ngày xét xử sơ thẩm là 05 tháng 28 ngày, tiền lãi được tính như sau: 0,83% x 100.000.000 đồng x 05 tháng 28 ngày = 4.924.666 đồng, được làm tròn là 4.925.000 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Do đó, cần buộc chị L, a H có nghĩa vụ trả cho chị L tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 4.925.000 đồng, tổng cộng là 104.925.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[5] Về án phí: Chị L, a H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 104.925.000 đồng x 5% = 5.246.000 đồng (năm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

[6] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.T.T.L đối với chị T.T.N.L và anh H.T.H.

Buộc chị T.T.N.L và anh H.T.H có nghĩa vụ trả cho chị V.T.T.L số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 4.925.000 đồng, tổng cộng là 104.925.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T.T.N.L và anh H.T.H phải chịu 5.246.000 đồng (Năm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị V.T.T.L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013834 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.T, tỉnh T.N.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký
Dương Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.N;
- VKSND tỉnh T.N;
- VKSND huyện H.T;
- Chi cục THADS huyện H.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.